

AbSo-150-P125



Model: AH13-610x610x150-10/02-125

AH13: Lọc Absolute, Cấp độ lọc H13 theo EN1822

610x610x150: Kích thước WxLxD mm

10/02: Gioăng mặt gió vào / lưới bảo vệ mặt gió ra

125: Độ dày nếp gấp mm

Mã MGT: HF13GREN1PG-610x610x150

ỨNG DỤNG

- Bộ lọc absolute EPA-HEPA.
- Hệ thống thông gió phòng sạch.
- Sử dụng trong ngành vi điện tử, thực phẩm, nhiếp ảnh, trung tâm dữ liệu, bệnh viện và công nghiệp thiết bị y tế.

Bộ lọc tuyệt đối cho dòng khí rối

Khung: Thép mạ kẽm

Vật liệu lọc: Sợi thủy tinh

Lưới bảo vệ: Mặt gió ra

Loại gioăng: Polyurethane

Vị trí gioăng: Mặt gió vào

Giai đoạn lọc: III-IV

Hiệu suất hạt MPPS EN 1822:

E10 ($\geq 85\%$), E11 ($\geq 95\%$), E12 ($\geq 99.5\%$),

H13 ($\geq 99.95\%$), H14 ($\geq 99.995\%$),

Nhiệt độ tối đa: 80°C

Độ ẩm tương đối: 100%

Chênh áp cuối: 600 Pa

Cấp độ chống cháy: K1/F1 theo tiêu chuẩn DIN53438

Model	Mã	Mã MGT	Kích thước WxLxD	Cấp lọc EN 1822	Độ dày nếp gấp (mm)	Diện tích vật liệu lọc (m ²)	Lưu lượng (m ³ /h)	Chênh áp ban đầu (Pa)	Trọng lượng (kg)
AH13-305x305x150-10/02-125	141501ESM	HF13GREN1PG	305x305x150	H13	125	5	550	250	3
AH13-305x610x150-10/02-125	141502ESM	HF13GREN1PG	305x610x150	H13	125	11.3	1050	250	5
AH13-457x457x150-10/02-125	141503ESM	HF13GREN1PG	457x457x150	H13	125	11.5	1150	250	5.5
AH13-457x610x150-10/02-125	141504ESM	HF13GREN1PG	457x610x150	H13	125	11.5	1550	250	6.5
AH13-610x610x150-10/02-125	141505ESM	HF13GREN1PG	610x610x150	H13	125	20.5	2100	250	8
AH13-610x762x150-10/02-125	141506ESM	HF13GREN1PG	610x762x150	H13	125	25.5	2600	250	9.5
AH13-610x915x150-10/02-125	141507ESM	HF13GREN1PG	610x915x150	H13	125	31	3125	250	11
AH14-305x305x150-10/02-125	141508ESM	HF14GREN1PG	305x305x150	H14	125	5	500	250	3
AH14-305x610x150-10/02-125	141509ESM	HF14GREN1PG	305x610x150	H14	125	11.3	975	250	5
AH14-457x457x150-10/02-125	141510ESM	HF14GREN1PG	457x457x150	H14	125	11.5	1050	250	5.5
AH14-457x610x150-10/02-125	141511ESM	HF14GREN1PG	457x610x150	H14	125	11.5	1425	250	6.5
AH14-610x610x150-10/02-125	141512ESM	HF14GREN1PG	610x610x150	H14	125	20.5	1950	250	8
AH14-610x762x150-10/02-125	141513ESM	HF14GREN1PG	610x762x150	H14	125	25.5	2400	250	9.5
AH14-610x915x150-10/02-125	141514ESM	HF14GREN1PG	610x915x150	H14	125	31	2900	250	11
AE10-305x305x150-10/02-125	141551ESM	HF10GREN1PG	305x305x150	E10	125	5	925	250	3
AE10-305x610x150-10/02-125	141552ESM	HF10GREN1PG	305x610x150	E10	125	11.3	1850	250	5
AE10-457x457x150-10/02-125	141553ESM	HF10GREN1PG	457x457x150	E10	125	11.5	2050	250	5.5
AE10-457x610x150-10/02-125	141554ESM	HF10GREN1PG	457x610x150	E10	125	11.5	2750	250	6.5
AE10-610x610x150-10/02-125	141555ESM	HF10GREN1PG	610x610x150	E10	125	20.5	3700	250	8
AE10-610x762x150-10/02-125	141556ESM	HF10GREN1PG	610x762x150	E10	125	25.5	4600	250	9.5
AE10-610x915x150-10/02-125	141557ESM	HF10GREN1PG	610x915x150	E10	125	31	5525	250	11

MADE IN TURKEY

Manufacturer: MGT

Model	Mã	Mã MGT	Kích thước WxLxD	Cấp lọc EN 1822	Độ dày nếp gấp (mm)	Diện tích vật liệu lọc (m ²)	Lưu lượng (m ³ /h)	Chênh áp ban đầu (Pa)	Trọng lượng (kg)
AE11-305x305x150-10/02-125	141558ESM	HF11GREN1PG	305x305x150	E11	125	5	750	250	3
AE11-305x610x150-10/02-125	141559ESM	HF11GREN1PG	305x610x150	E11	125	11.3	1500	250	5
AE11-457x457x150-10/02-125	141560ESM	HF11GREN1PG	457x457x150	E11	125	11.5	1650	250	5.5
AE11-457x610x150-10/02-125	141561ESM	HF11GREN1PG	457x610x150	E11	125	11.5	2200	250	6.5
AE11-610x610x150-10/02-125	141562ESM	HF11GREN1PG	610x610x150	E11	125	20.5	2950	250	8
AE11-610x762x150-10/02-125	141563ESM	HF11GREN1PG	610x762x150	E11	125	25.5	3700	250	9.5
AE11-610x915x150-10/02-125	141564ESM	HF11GREN1PG	610x915x150	E11	125	31	4400	250	11
AE12-305x305x150-10/02-125	141565ESM	HF12GREN1PG	305x305x150	E12	125	5	575	250	3
AE12-305x610x150-10/02-125	141566ESM	HF12GREN1PG	305x610x150	E12	125	11.3	1150	250	5
AE12-457x457x150-10/02-125	141567ESM	HF12GREN1PG	457x457x150	E12	125	11.5	1300	250	5.5
AE12-457x610x150-10/02-125	141568ESM	HF12GREN1PG	457x610x150	E12	125	11.5	1700	250	6.5
AE12-610x610x150-10/02-125	141569ESM	HF12GREN1PG	610x610x150	E12	125	20.5	2300	250	8
AE12-610x762x150-10/02-125	141570ESM	HF12GREN1PG	610x762x150	E12	125	25.5	2850	250	9.5
AE12-610x915x150-10/02-125	141571ESM	HF12GREN1PG	610x915x150	E12	125	31	3450	250	11

Tùy chọn khác theo yêu cầu:

Khung: Nhôm, Inox 304, Inox 316.

Vật liệu lọc: Loại chịu nhiệt cao (Tối đa 120°C).

Loại khung HF: đơn 25/20 mm, đôi 25/20 mm, Kích thước tùy chỉnh.

Lưới bảo vệ: Không lưới, Cả hai mặt.

Loại gioăng: Không gioăng, Cao su, EPDM, Gioăng chịu nhiệt cao.

Vị trí gioăng: Không có, Mặt gió ra, Cả hai mặt.

Kích thước khác theo yêu cầu

Chênh áp ± 15%

Chứng nhận vệ sinh: Lọc HEPA | VDI 6022 Blatt 1:2018, DIN 1946-4:2018, ISO 846:2019 Plastics, BS EN 17141:2020.

Vật liệu tuân thủ tiếp xúc thực phẩm: Lọc HEPA | (EC) No 1935/2004, (EC) No 2002/72, (EU) No 10/2011, (EU) No 2020/1245, U.S. FDA-Determining the Regulatory Status of Components of a Food Contact Material.

**Nếp gấp sâu (Deep pleat)
Lưu lượng khí cao
Chênh áp thấp**

MADE IN TURKEY

Manufacturer: MGT